

Bản án số: 167/2021/DS-ST
Ngày 29-4-2021
V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên Tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 488/2020/TLST-DSST ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TC TNHH MTV S Việt Nam; (viết tắt: Công ty S); Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, Trung tâm Thương mại Sài Gòn, số 37, đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Atul D - Chức vụ: Tổng giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Oh T – Chức vụ: Phó tổng giám đốc; Ông Oh T ủy quyền lại cho: Ông Lê Công Mạnh L – Nhân viên bộ phận pháp chế; (Theo giấy ủy quyền số 38/2021/GUQ-TGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2021); Địa chỉ liên lạc: Tầng 23, Trung tâm thương mại Sài Gòn, số 37, đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Vũ Nhật Tr, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tổ 07, ấp 4B, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ngày 01/8/2016, ông Trần Vũ Nhật Tr có ký hợp đồng tín dụng số 10839003 với Công ty S, thỏa thuận vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ

ngày giải ngân (ngày 01/8/2016), với lãi suất tính trên dư nợ giảm dần là 33%/năm, mục tích để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng: Ông Tr có trách nhiệm trả gốc và lãi mỗi tháng một lần vào ngày 01 hàng tháng. Số tiền gốc và lãi cho mỗi lần trả nợ là căn cứ vào bảng kế hoạch thanh toán (phụ lục 2), ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/9/2016.

Thực hiện hợp đồng, ông Tr đã nhận đủ tiền vay nhưng đến thời điểm hiện tại ông Tr chỉ đóng được 07 kỳ, kỳ đóng cuối cùng vào ngày 15/8/2017, tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 22.999.400đ (trong đó tiền gốc là 8.756.000đ và tiền lãi 14.243.400đ). Từ ngày 15/8/2017 cho đến nay, ông Tr không thanh toán thêm cho Công ty S bất kỳ khoản nào. Việc ông Tr không tiếp tục thanh toán số tiền nợ đã gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty S.

Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Tr thanh toán số tiền tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai các ngày: 08/12/2020, 12/3/2021, 29/4/2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 14, 15 (bản sao), Giấy ủy quyền số 104 ngày 16/12/2019, Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 20/8/2020 + Chứng minh nhân dân, Hợp đồng tín dụng cá nhân, Giấy nhận nợ, Phiếu đề nghị vay tiêu dùng + Căn cước công dân, Thẻ bảo hiểm y tế, sổ hộ khẩu sao y (bản sao), Phiếu yêu cầu giải ngân, Chi tiết các giao dịch, Giấy ủy quyền số 28 ngày 10/3/2021, Giấy ủy quyền số 38 ngày 19/3/2021, Giấy ủy quyền số 02 ngày 05/01/2021, Giấy ủy quyền số 28 ngày 10/3/2021.

Bị đơn ông Trần Vũ Nhật Tr theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 01/8/2016, ông có ký hợp đồng tín dụng số 10839003 với Công ty S, thỏa thuận vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 01/8/2016), với lãi suất tính trên dư nợ giảm dần là 33%/năm, mục tích để tiêu dùng cá nhân như phía nguyên đơn trình bày là hoàn toàn đúng. Ông đã nhận đủ số tiền vay 60.000.000đ và đã trả cho Công ty S được 07 kỳ, kỳ trả cuối cùng vào ngày 15/8/2017, tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 22.999.400đ (trong đó tiền gốc là 8.756.000đ và tiền lãi 14.243.400đ). Do hoàn cảnh khó khăn, bị mất việc làm nên từ ngày 15/8/2017 cho đến nay, ông không thanh toán thêm cho Công ty S bất kỳ khoản tiền nào.

Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ), thì ông hoàn toàn đồng ý thống nhất số nợ mà Công ty S yêu cầu nhưng ông yêu cầu Công ty S xem xét có chính sách miễn lãi quá hạn cho ông và cho ông trả dần trong thời hạn 04 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Tr thanh toán số tiền tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 01/8/2016, ông Tr có ký hợp đồng tín dụng để vay phía nguyên đơn số tiền 60.000.000đ, theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình này và bị đơn thừa nhận là đúng. Ông Tr đã nhận đủ tiền vay và chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 07 kỳ, kỳ trả cuối cùng vào ngày 15/8/2017, tổng số tiền nợ gốc và lãi đã trả là 22.999.400đ (trong đó tiền gốc là 8.756.000đ và tiền lãi 14.243.400đ) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính đến ngày 29/4/2021, ông Tr còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ) là đúng. Xét thấy, sự thừa nhận nợ của bị đơn là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr thừa nhận và thống nhất số nợ mà nguyên đơn yêu cầu nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông yêu cầu cho ông được miễn trả lãi quá hạn và được trả dần trong thời hạn 04 tháng, tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị của bị đơn. Xét thấy, việc bị đơn đề nghị được miễn trả lãi quá hạn và được trả dần là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên Tòa hôm nay, phía nguyên đơn yêu cầu ông Tr phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp, cần buộc ông Tr trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty TC TNHH MTV S Việt Nam về việc yêu cầu ông Trần Vũ Nhật Tr thanh toán cho Công ty S số nợ tổng cộng là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ).

Buộc ông Trần Vũ Nhật Tr có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S số tiền là 143.193.981đ (trong đó: dư nợ gốc là 51.244.000đ, dư nợ lãi là 22.893.200đ, dư nợ lãi quá hạn là 69.056.781đ), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí DSST là 7.159.699đ (bảy triệu một trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) buộc ông Trần Vũ Nhật Tr phải nộp.

Hoàn trả lại cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí 3.504.689đ (ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền số 0013829 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Xuân Lan